**Đề ôn luyện toán 2 – Đề số 35**

**A. YÊU CẦU**

Củng cố và phát triển kiến thức, kĩ năng về :

* Phép cộng, phép trừ các số có hai chữ số ; phép cộng, phép trừ các số có ba chữ số (không nhớ).
* Bảng nhân, bảng chia 2, 3, 4, 5.
* Tính độ dài đường gấp khúc, tính chu vi hình tam giác, hình tứ giác.

**B. ĐỀ LUYỆN TẬP**

**ĐỀ BÀI:**

1. Đặt tính rồi tính:

a) 56 + 29             78 + 8               61 - 55                83 -9

   ............              .............           ...............            ...............

   ............              .............           ...............             ...............

   ............             ..............            ...............            ................

b) 245 + 43           573 + 6             784 - 74             879 - 8

 ............              .............           ...............            ...............

   ............              .............           ...............             ...............

   ............             ..............            ...............            ................

2. Tính:

a) 3 x 8 - 17 = ..............              b) 2 x 9 + 451 =.............

                      =................                                      = .............

c) 28 : 4 +89 = ................         d) 4 x 6 : 3 = ....................

                        = ................                              = ....................

3. Một trường tiểu học có 257 học sinh trai, số học sinh gái ít hơn số học sinh trai 15 em. Hỏi :

a) Trường tiểu học đó có bao nhiêu học sinh gái ?

b) Trường tiểu học đó có tất cả bao nhiêu học sinh ?

Bài giải:

…………………………………………………………………

…………………………………………………………………

…………………………………………………………………

…………………………………………………………………

…………………………………………………………………

4. Đúng ghi Đ, sai ghi S

một phép cộng có tổng hơn số hạng thứ nhất 35 đơn vị . Vậy ta có:

a) Số hạng thứ nhất là 35........

b) Số hạng thứ hai là 35.........

5. Viết chữ số thích hợp vào ô trống:



6. Tính độ dài các đường gấp khúc:



…………………………………………………………………

…………………………………………………………………

…………………………………………………………………

…………………………………………………………………



7. Viết chữ số thích hợp vào ô trống hoặc chỗ trống:



8. Một phép trừ có hiệu bằng 36 và hiệu kém số bị trừ 8 đơn vị.

   Tìm số trừ và số bị trừ của phép trừ đó.

Bài giải:

…………………………………………………………………

…………………………………………………………………

…………………………………………………………………

…………………………………………………………………

…………………………………………………………………

9. Tính chu vi hình tam giác , biết độ dài mỗi cạnh của hình tam giác đó đều bằng 10 cm.

Bài giải:

…………………………………………………………………

…………………………………………………………………

…………………………………………………………………

10. Viết các phép nhân có tích bằng 18.

…………………………………………………………………

…………………………………………………………………

…………………………………………………………………

11. Tính chu vi hình tứ giác ABCD.



Bài giải:

…………………………………………………………………

…………………………………………………………………

…………………………………………………………………

12.



**ĐÁP ÁN:**

4.

a) s ; b) Đ.

7.

Hướng dẫn : Dựa vào mối quan hệ giữa thành phần và kết quả của phép tính để tìm số thích hợp cần viết vào ô trống

10.

Các phép nhân đó là :

18 x 1 = 18 ;          1  x 18 =  18          ;   2 x 9   =   18;

9 x 2 = 18;  3 x 6 = 18;      6 x 3 =   18.

12.

Hướng dẫn : Vì 0+4+0 = 9, nên tổng hai số ở hai ô trống ở hai

đỉnh còn lại của hình tam giác là 5. Do đó, hai ô trống ở hai đỉnh còn lại của hình tam giác chỉ có thể là 2 và 3